TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 04 - 9 - 2020
V/v tranh chấp "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Viết Tú
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Lâm
Ông Đỗ Minh Thân

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thanh Hoa, là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh P

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2020. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Quyết C,** sinh năm 1981.
Địa chỉ: Khu 2, xã XL, huyện TT, tỉnh P. (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị **Lê Thị Đ**, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Khu 2, xã XL, huyện TT, tỉnh P. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ngày 02/12/2019, được bổ sung bằng bản tự khai ngày 25/12/2019 nguyên đơn anh Nguyễn Quyết C trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Lê Thị Đ ngày 25/11/2003, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND XL, huyện TT, tỉnh P. Tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh làm ăn kinh tế thất bại dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Anh và Chị Đ đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay anh xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, anh đề nghị được ly hôn với Chị Đ.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thành Long, sinh ngày 11/7/2004 và cháu Nguyễn Hồng Ngọc sinh ngày 31/10/2008. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không đề nghị Chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình giải quyết chị Lê Thị Đ vắng mặt, Toà án đã thông báo, triệu tập hợp lệ, tuy nhiên chị vắng mặt không lý do.***

Làm việc cùng bà Đặng Thị Sen là mẹ đẻ của Chị Đ cho biết: Chị Đ và anh C kết hôn với nhau năm 2003. Quá trình chung sống Chị Đ anh C có hai con chung với nhau là cháu Nguyễn Thành Long và Nguyễn Hồng Ngọc. Cụ thể cuộc sống Chị Đ anh C có mâu thuẫn gì không bà không biết cụ thể, việc Chị Đ với anh C sống ly thân và ly hôn bà cũng không nắm được do Chị Đ không nói chuyện và không về nhà ở cùng bà. Chị Đ vẫn sinh sống ở Khu 2 xã XL. Bà từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án đối với Chị Đ, đề nghị Tòa án tống đạt cho Chị Đ hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Qua làm việc tại UBND xã XL và Hội liên hiệp Phụ nữ xã XL, huyện TT, tỉnh P xác định: Hiện tại Chị Đ có hộ khẩu tại Khu 2 xã XL và sinh sống tại địa phương, vợ chồng anh C Chị Đ đã sống ly thân nhiều năm. Quá trình chung sống, anh C Chị Đ có hai con chung, UBND xã XL; Hội liên hiệp Phụ nữ xã XL đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tại phiên tòa(có bài phát biểu lưu trong hồ sơ):***

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

**Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Quyết C, xử cho anh C được ly hôn Chị Đ.*

**Về con chung: Giao cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Nguyễn Thành Long, sinh ngày 11/7/2004 và cháu Nguyễn Hồng Ngọc sinh ngày 31/10/2008 cho đến khi cháu Long, cháu Ngọc thành niên. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh C không yêu cầu.*

** Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này sau ly hôn nếu có tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.*

** Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Anh C do điều kiện bận công việc nên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho Chị Đ về việc thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ cho chị đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên Chị Đ đều vắng mặt không có lý do, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh C kết hôn với Chị Đ vào năm 2003, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã XL, huyện TT, tỉnh P, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh C và Chị Đ đã xảy ra mâu thuẫn do anh C làm kinh tế thua lỗ, vợ chồng không hợp nhau trong công việc và cuộc sống. Từ năm 2014 đến nay, vợ chồng anh chị đã sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho chị Đào về việc thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ cho chị đến Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên chị đều vắng mặt không có lý do. Qua làm việc cùng bà Đặng Thị Sen là mẹ đẻ Chị Đ xác định thời gian kết hôn và quá trình chung sống, con chung của hai anh chị, bà cũng từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án đối với Chị Đ. Làm việc cùng UBND xã XL; Hội liên hiệp Phụ nữ xã XL, huyện TT xác định anh C và Chị Đ sống ly thân đã lâu, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn để đảm bảo quyền và lợi ích cho các đương sự.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và Chị Đ đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng sống ly thân đã lâu dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không hợp tác hòa giải, không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh C, xử cho anh được ly hôn Chị Đ là phù hợp tránh ràng buộc không có lợi.

[2] Xét về con chung: Anh C Chị Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Thành Long, sinh ngày 11/7/2004 và cháu Nguyễn Hồng Ngọc sinh ngày 31/10/2008. Anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu Chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Các cháu Long và Ngọc đều thể hiện nguyện vọng được ở với anh C. Chị Đ không có mặt tại Tòa án để thể hiện quan điểm về con chung, do vậy HĐXX thấy cần giao hai cháu cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh C không yêu cầu.

[3] Về tài sản và công nợ chung, công sức đóng góp: Anh C không yêu cầu giải quyết do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo Bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

* Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

* Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Quyết C được ly hôn chị Lê Thị Đ.

2.Về con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Quyết C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thành Long, sinh ngày 11/7/2004 và Nguyễn Hồng Ngọc sinh ngày 31/10/2008 kể từ ngày 04/9/2020 cho tới khi các cháu thành niên. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu có Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Quyết C phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2017/0001686 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh P.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã XL;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Viết Tú